

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Potassium carbonate- K₂CO₃			
Số CAS: 584-08-07 Số UN: Chưa có thông tin Số đăng ký EC: Chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục quốc gia khác (nếu có)			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Potassium carbonate		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: Potassium carbonate			
- Tên khác (không là tên khoa học): Kali cacbonat			
- Mục đích sử dụng: Dùng cho nhiều ngành trong công nghiệp, sản xuất phân bón,...		Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 0898.517.996	
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Potassium carbonate	584-08-07	K ₂ CO ₃	99

III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

- Tác động cấp tính

Tiếp xúc với mắt: ít nguy hại.

Nuốt phải: nguy hại.

Hít phải: nguy hại.

Tiếp xúc với da: nguy hại.

- Tác động mãn tính

Gây ung thư: không có giá trị.

Gây đột biến gen: không có giá trị.

Gây quái thai: không có giá trị.

Độc tính phát triển: không có giá trị.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Tiếp xúc với mắt

Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút và gặp bác sĩ chuyên khoa.

- Tiếp xúc với da

Rửa bằng xà phòng và nước, thay bỏ quần áo nhiễm bẩn, gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng. Quần áo nhiễm bẩn phải tẩy rửa trước khi sử dụng lại.

- Hít vào

Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi cấp cứu nếu vấn đề hô hấp không được cải thiện.

- Nuốt vào

Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- **Đặc tính cháy của hóa chất:** không cháy.
- **Nhiệt độ tự bốc cháy:** không áp dụng.
- **Điểm bốc cháy:** không áp dụng.
- **Giới hạn có thể cháy:** không áp dụng.
- **Sản phẩm cháy:** không có giá trị
- **Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác:** không áp dụng.
- **Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác**
- **Tác động cơ học:** không có giá trị.
- **Tác động tĩnh:** không có giá trị.
- **Chỉ dẫn chữa cháy:** không áp dụng.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- **Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ**
Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật.
- **Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn**
Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất bỏ, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể cho đổ tràn tới hệ thống cống.

VII.YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- **Sự đề phòng**
Giữ bình hóa chất luôn khô, không được nuốt, không được hít bụi hóa chất. Không bao giờ cho nước vào sản phẩm này. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, trang bị mặt nạ hô hấp. Nếu cảm thấy không khỏe, cần gọi cấp cứu. Tránh các tác nhân oxy hóa, kim loại, các axit.
- **Tồn trữ**
Giữ bình chứa đóng chặt. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng. Không lưu giữ hóa chất trên 25°C.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết

Có quạt thông gió, hút hơi để làm giảm bớt lượng nhiệt khi tiếp xúc với hoá chất

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt; Kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ
- Bảo vệ tay: Găng tay chống hoá chất
- Bảo vệ chân. ủng

3. Giới hạn tiếp xúc: Không có giá trị

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Dạng bột	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): phân hủy.
Màu sắc: Màu trắng	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): 891°C .
Mùi đặc trưng: Khó chịu	Áp suất bay hơi: không áp dụng.
Nhiệt độ tới hạn: không có giá trị.	Ionicity (trong nước): không có giá trị.
Hệ số phân phối nước/dầu: không có giá trị.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp
Khối lượng phân tử: 138,21 g/mol.	Tỉ trọng bay hơi: không có giá trị.
pH (1% dung môi/nước): không có giá trị.	Sự bay hơi: không có giá trị.
Khối lượng riêng : 2,29 (nước=1)	Sự hòa tan: tan trong nước lạnh.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- **Độ ổn định:** hóa chất ổn định.
- **Nhiệt độ gây không ổn định:** không có giá trị.
- **Những điều kiện gây không ổn định:** bụi, không khí ẩm, nước, vật liệu không tương thích.

- **Những hóa chất không tương thích:** phản ứng với các tác nhân oxy hóa, kim loại, axit. Phản ứng nhẹ với độ ẩm
- **Tính ăn mòn:** không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh.
- **Đặc biệt phản ứng với:** ẩm, phản ứng với nước phát nhiệt, không tương thích với KCO, clo triflorua, canxi oxi, magie.
- **Các chú thích về ăn mòn:** không có giá trị
- **Poly hóa:** không xảy ra.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- **Đường đi vào:** hô hấp, tiêu hóa, tiếp xúc với mắt.
- **Độc tính lên động vật:** độc cấp tính qua đường miệng LD50: 1870 mg/kg (chuột).
- **Ảnh hưởng mãn tính lên con người:** gây thiệt hại đến các cơ quan sau: màng nhầy, da, mắt.
- **Ảnh hưởng độc tính lên con người:** nguy hại trong trường hợp sau: da (kích thích), tiêu hóa, đường hô hấp, tiêu hóa. Ít nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc mắt.
- **Độc tính trên động vật:** không có giá trị.
- **Lưu ý ảnh hưởng mãn tính khác lên con người:** không có giá trị.
- **Lưu ý ảnh hưởng độc tính khác lên con người**

Độc cấp tính

Da: nguyên nhân gây kích ứng da nghiêm trọng.

Mắt: gây kích ứng mắt nghiêm trọng, có thể gây tổn thương giác mạc, có thể gây bỏng và mất thị lực.

Nuốt phải: gây kích ứng đường tiêu hóa, buồn nôn, nôn, đau bụng, bỏng có thể lên môi, lưỡi, dạ dày, thực quản. Nó có thể ảnh hưởng đến hệ tim mạch, hệ tiết niệu, sự trao đổi chất.

Hít phải: kích thích niêm mạc đường hô hấp, chiếu xạ có thể gây ra ho, đau ngực.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Potassium carbonate			Chưa có thông tin
Thành phần 2 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- **Độc tính sinh thái:** không có giá trị.
- **BOD5 và COD:** không có giá trị.
- **Sản phẩm phân hủy sinh học:** những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.

Độc tính sản phẩm phân hủy: không có giá trị.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.

- **Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)**

Thu gom và xử lý dạng rắn

Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.

Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.

Thu gom và xử lý dạng lỏng

Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.

Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp.

Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước.

Xử lý hóa chất dạng hơi: vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.

Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kị với nhau (tham khảo trong bảng).

Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn.

Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó.

Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa	584-08-07	Potassium carbonate	không	25 kg/bao	Không có	
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Quy chuẩn áp dụng

Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002.

Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.

- Xếp loại khác

DSCL (EEC): R22- độc hại khi nuốt phải. R37/38- kích ứng hệ hô hấp và da. R41- nguy cơ phá hủy mắt. S2- để xa tầm với trẻ em. S26- trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa ngay với nhiều nước và gọi sự trợ giúp từ y tế. S37/39- trang bị găng tay, trang phục bảo vệ mắt/mặt. S46- nếu nuốt phải, gọi sự trợ giúp từ y tế và cho xem lọ và nhãn hóa chất.

HMIS (U.S.A.)

Độc hại sức

khỏe: 2

Nguy hiểm

cháy: 0 Độ

hoạt hóa: 1

Bảo vệ cá nhân: E

National Fire Protection Association (U.S.A.):

Sức khỏe: 2

Khả năng cháy: 0

Độ hoạt hóa: 0

Độc hại đặc biệt:

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP

Lưu ý người đọc:

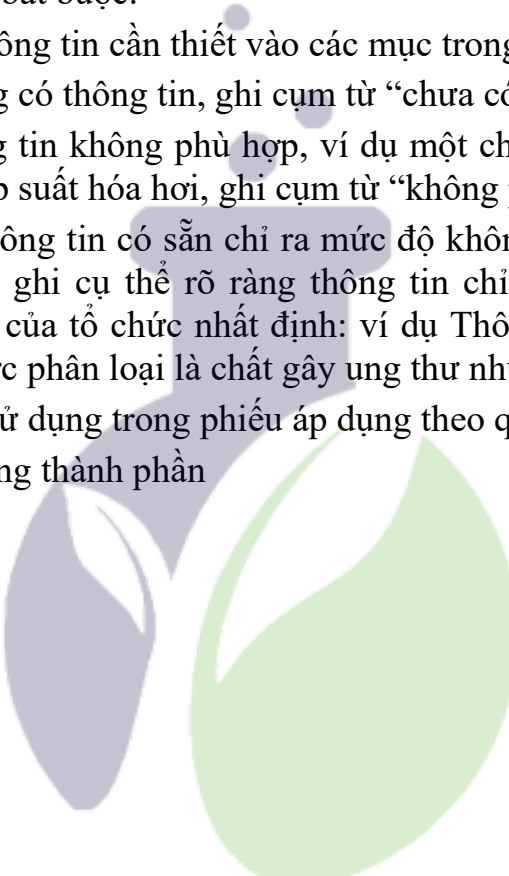
Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến

thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

Hướng dẫn bổ sung:

1. Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
2. Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
3. Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”
4. Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”
5. Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương xứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định: ví dụ Thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư như theo OSHA,ACGIH...”
6. Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.
7. Cách ghi hàm lượng thành phần



HOA VIỆT
Chemgroup